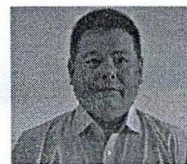


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông học (Học viện Nông nghiệp Việt Nam); Chuyên ngành: Khoa học Đất
(Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: ĐÌNH VIỆT HÙNG
- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1973; Nam; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Việt Nam; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): TT Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Tổ 6, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 19, ngõ 87, phố Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại nhà riêng: 0984224074; Điện thoại di động: 0818331264; E-mail: dingviethung@vnu.edu.vn / dingviethungstmt@gmail.com
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ tháng 8 năm 1996 đến tháng 11 năm 1996: Cán bộ hợp đồng tại Bộ khoa học công nghệ và môi trường, 70 Trần Hưng Đạo
 - Từ tháng 12 năm 1996 đến tháng 2 năm 2000: Nghiên cứu viên tại Viện Quy hoạch Thủy Lợi, 198 Trần Quang Khải

- Từ tháng 3 năm 2000 đến tháng 3 năm 2008: Nghiên cứu viên tại Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Đông ngạc, Từ Liêm, Hà Nội
- Từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 6 năm 2017: Nghiên cứu viên tại Viện Môi trường Nông nghiệp, Phú Đô, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
- Từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 11 năm 2020: Nghiên cứu viên tại Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Từ tháng 12 năm 2020 đến nay: Giảng viên tại Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Chức vụ Hiện nay: Giảng viên;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa Công nghệ Môi trường tại Đại học Đông Đô (nhưng đã có Quyết định thôi giữ chức vụ Trưởng khoa từ năm 2018),

Phụ trách Bộ môn BDKH và Môi trường, Viện Khoa học Lâm nghiệp từ năm 2018-2020

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: - Cơ sở 1 tại G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Cơ sở 2 tại số 6 Trần Hữu Dực, Mỹ Đình 2, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0981 290 448

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Giáo viên thỉnh giảng tại Đại học Lâm nghiệp vào năm 2017, và Giảng viên tại Đại học Đông Đô năm 2016-2018

8. Đã nghỉ hưu: chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Đại học Đông đô năm 2021-2023 (Khoa công nghệ môi trường)

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 4 năm 1998; số văn bằng: 48301; ngành: Khoa học tự nhiên, chuyên ngành: Thủy văn Môi trường; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Thủy Lợi, Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 07 năm 2007; số văn bằng: 00824; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Hệ thống Nông nghiệp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 02 năm 2013; số văn bằng: 005908; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Sinh thái Môi trường; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc

- Được cấp bằng TSKH: chưa

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Khoa học đất tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Sinh thái môi trường; Carbon trong đất và trong cây; Đồng vị bền $\delta^{13}\text{C}$, $\delta^{18}\text{O}$ và $\delta^2\text{H}$; Môi trường đất, nước, không khí; Biến đổi Khí hậu và Khoa học Bền vững Giáo dục đào tạo, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên Môi trường, Khoa học Công nghệ, Văn hóa Truyền thông và Thể thao Du lịch

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS: chưa
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS: 03
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 01 cấp cơ sở (chủ trì) ; 01 cấp bộ (chủ trì); 01 cấp nhà nước (chủ trì) và 03 đề tài cấp tỉnh, cấp bộ (thư ký)
- Đã công bố (số lượng) 23 bài báo khoa học, trong đó có 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: chưa
- Số lượng sách đã xuất bản 04 ấn phẩm sách, trong đó có 01 ấn phẩm là chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín; có 02 hướng dẫn sử dụng phần mềm, có 01 giáo trình
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 3 năm liền từ 2010 đến 2013 đạt nhiều Huy chương vàng, bạc môn bóng bàn tại giải Hội sinh viên Việt Nam tại Hàn Quốc.

Đạt 3 huy chương Bạc và 2 huy chương Đồng giải bóng bàn cán bộ và sinh viên các đơn vị thuộc ĐHQGHN vào năm 2021 và 2023.

15. Khen thưởng: danh hiệu Best Presentation về Báo cáo khoa học do Hội sinh viên Việt nam tại Hàn Quốc tổ chức.

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Nhà giáo là một nghề rất cao quý và đáng được xã hội tôn vinh và trân trọng.

Tiêu chuẩn của mỗi con người trưởng thành là vừa phải có tài, có đức và vừa có tâm. Riêng nhà giáo, ngoài các 3 tiêu chuẩn trên còn phải có cái tâm nữa. Trong giáo dục và đào tạo, nhà giáo có nhiều cấp bậc khác nhau, từ mẫu giáo, phổ thông đến đại học và sau đại học. Chính vì vậy, tiêu chuẩn về trình độ cũng như kiến thức của mỗi cấp bậc có khác nhau. Trong gia đình, người cha, người mẹ cũng là nhà giáo đầu tiên của những đứa con của mình. Nên khi đã trưởng thành, đã là cha là mẹ thì ai cũng có thể trở thành thầy giáo, cô giáo.

Với bản thân tôi tự thấy rằng trong gia đình ngay khi chào đời, đứa bé đã có bản năng học hỏi, tìm hiểu thế giới xung quanh. Quá trình lớn lên, là quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở cho đến suốt đời của bất kỳ ai. Theo tôn chỉ này, tôi luôn tích cực học hỏi không

ngừng, và đến nay tôi đã phấn đấu trở thành một nhà giáo của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội. Ngay cả khi đã là nhà giáo, tôi thấy mình còn phải hoàn thiện nhiều kiến thức trống mà tôi đang tìm thấy ở các đồng nghiệp khác hoặc các kênh thông tin truyền thông mà có thể cập nhật thông tin hữu ích và thường xuyên. Có như vậy, việc áp dụng các kiến thức bổ sung này vào việc giảng dạy và nghiên cứu sẽ ngày càng hiệu quả hơn. Nhưng dù sao, chuyên môn chính của mỗi nhà giáo nên được phát huy hết sở trường và giảng dạy đúng đối tượng cần truyền đạt.

Nhu cầu học tập là rất quan trọng và xã hội rất cần đến vai trò của nhà giáo. Có nghĩa là nhà giáo ở bất cứ thời điểm nào cũng phải đáp ứng được nhu cầu học tập của xã hội. Nhiệm vụ cao cả này cần được khích lệ thường xuyên và tạo mọi điều kiện có thể để nhà giáo có thể yên tâm cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp trồng người. Cũng như đã nêu ở trên, mỗi cấp bậc khác nhau thì nhiệm vụ của nhà giáo cũng khác nhau, nhất là phải giảng dạy kiến thức làm sao để phù hợp với tâm sinh lý của từng đối tượng người học

Là nhà giáo như ở cấp độ sau đại học, tôi thấy các kiến thức học từ nước ngoài về giảng dạy trong nước sẽ dễ mang lại tầm hiểu biết sâu rộng hơn cho học viên. Bên cạnh đó, ta phải kết hợp thật khéo léo với kinh nghiệm sẵn có của từng địa phương, cụ thể như trong lĩnh vực của tôi chính là kiến thức của người nông dân. Họ nuôi trồng ra sao, họ theo dõi diễn biến môi trường thế nào, việc quản lý trang trại, ruộng vườn của họ cần ta giúp cái gì. Cập nhật thường xuyên các thông tin quan trọng, hữu ích như trong công ước khung Cop27 đưa carbon về Net zero đến năm 2050. Đón đầu xu thế này, mọi người dân sẽ phải làm gì, và nhiệm vụ của giảng viên sẽ phải truyền đạt kiến thức gì. Dựa trên nền tảng và hiểu biết sau khi tốt nghiệp đại học, học viên BDKH và KHBV sẽ có rất nhiều cơ hội việc làm cũng như khẳng định vai trò to lớn của họ sau này. Đó chính là niềm hy vọng của riêng tôi cũng như các giảng viên khác vào thế hệ mai sau.

Tóm lại, tôi rất tự hào trên cương vị là một nhà giáo, và tự thấy nhiệm vụ của mình còn rất nhiều việc phải làm trước mắt.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 08 năm

- Khai cụ thể 08 năm học, trong đó 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ :

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CN đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			1 Thạc sỹ			103	103/120/135
2	2016-2017					270		270/270/135
3	2017-2018							
4	2018-2019							
5	2019-2020				3 Cử nhân	75		75/75/135
03 năm học cuối								
6	2020-2021			2 Thạc sỹ		135	121	296/456/270
7	2021-2022			1 Thạc sỹ		155	207	362/465/270
8	2022-2023			1 Thạc sỹ		45	115	253/346//270
	a	Tổng số giờ tham gia Hội đồng đánh giá luận văn Thạc sỹ (17 luận văn)					68	
	b	Tổng số giờ tham gia Hội đồng chấm chuyên đề luận án Tiến sĩ (3 chuyên đề luận án TS)					24	
	c	Tổng số giờ tham gia Tiểu ban chuyên môn đánh giá luận án Tiến sĩ (3 chuyên đề luận án TS)					36	

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh và tiếng Hàn

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Hàn Quốc năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Tài chính tiếng Anh tại Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội số bằng: 67881; năm cấp: 1997

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: chưa

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải: Tham dự và trình bày báo cáo bằng tiếng Anh trong các hội thảo Quốc tế RUBIFARM tại Indonesia (2005), Hội thảo về Sinh thái Nông nghiệp tại Trung Quốc (2006, 2017), Hội thảo về Môi trường Sinh thái tại Hàn Quốc (2011, 2012); Đã làm xong PhD nghiên cứu sinh tại Hàn Quốc (trong 3 năm 2010-2013), Đã làm xong Postdoc tại Hàn Quốc (trong 3 tháng, năm 2016)

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 5.5, tiếng Anh Newzealand (4/6 điểm), TOEFL 600 (tiếng Anh nội bộ)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Công Hòa		HVCH	x		2015-2016	Trường Đại học Lâm nghiệp	Ngày 25/1/2016, ký hiệu bằng 132826
2	Nguyễn Tất Đông		HVCH	x		2020-2021	Trường Đại học Đông Đô	Ngày 7/5/2021, Ký hiệu bằng 000602
3	Nguyễn Văn Hậu		HVCH	x		2020-2021	Trường Đại học Đông Đô	Ngày 7/5/2021, Ký hiệu bằng 000603
4	Võ Hoàng Tùng		HVCH	x		2021-2022	ĐHQGHN	Chưa cấp bằng
5	Nhữ Mạnh Tiến		HVCH	x		2022-2023	ĐHQGHN	Chưa cấp bằng

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
3							
4							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Sustainability of Biogas and Cassava- Based Ethanol Value Chains in Vietnam	CK	Tổ chức Nông lương thực (FAO) 2018	2		Chương 4.8 (Từ trang 120-132)	Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
2	Hướng dẫn sử dụng phần mềm Mapinfor	HD	2021	1	X	54 trang	Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
3	Hướng dẫn sử dụng phần mềm ArcGIS	HD	2021	1	X	134 trang	Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN
4	Ứng dụng Công nghệ số trong thực hành và Quản lý Di sản	GT	2021	1	X	233 trang	Khoa Các khoa học liên ngành, ĐHQGHN

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [01 CS-UT, 02 HD, 01 GT]

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	ĐT “Xây dựng Quy chế Quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp Môi trường trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”	TK	Cấp bộ	2008-2009	Tháng 12/2009 Đạt
2	DA “Đánh giá tác động của nước sông Cầu trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đến môi trường Nông nghiệp và dân sinh”	TK	Cấp tỉnh	2009-2010	Tháng 12/2010 Đạt
3	DA “Đánh giá tác động môi trường đất, nước, không khí huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang”	TK	Cấp tỉnh	2009-2010	Tháng 12/2010 Đạt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT “Nghiên cứu biến đổi khí hậu trong lịch sử thông qua tính chất vật lý hóa học trong vòng năm cây thông nhựa tại Quảng Bình và cây Pơ Mu tại Lào Cai”	CN	Cấp nhà nước (Nafosted)	2015-2018	Tháng 12/2018 Đạt
2	ĐT “Nghiên cứu Khả năng sinh trưởng và cải tạo đất bãi thải mỏ than Quảng Ninh của Keo Lá tràm và Thông nhựa với nấm rễ nội cộng sinh (Arbuscular mycorrhiza) ở vườn ươm”	CN	Cấp bộ	2018-2019	Tháng 12/2019 Đạt
3	ĐT “Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu ở Quảng Bình qua chuyển đổi cây trồng vùng bão lũ”	CN	Cấp cơ sở	2021	Tháng 12/2021 Đạt
4	ĐT “Nghiên cứu cổ môi trường dựa trên phương pháp đồng vị bền delta13C trong vòng sinh trưởng của cây thông tại tỉnh Quảng Bình”	CN	Cấp ĐHQG (trung ương cấp bộ)	2022-2024	Đến tháng 5/2023 đã thực hiện được 50% nội dung, Chưa đến đợt nghiệm thu

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	<u>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</u>							
1	Foliar chemistry and tree ring $\delta^{13}\text{C}$ of <i>Pinus densiflora</i> in relation to tree growth along a soil pH gradient	8	X	Plant Soil	ISI (Q1)		363(1-2). DOI 10.1007/s11104-012-1301-9	2012
2	Tree Ring Ca/Al as an Indicator of Historical Soil Acidification of <i>Pinus Densiflora</i> Forest in Southern Korea.	6		Korean J Environ Agric	Scopus		Vol. 30, No. 3, pp. 229-233	2011
3	Hiện trạng môi trường nước sông Cầu, đoạn chảy qua huyện Yên Dũng	2	X	Hội Đập lớn và phát triển nguồn nước Việt Nam	Báo điện tử		vncold.vn ngày 20/5/2008	2008
4	Hiện trạng chất lượng nước ngầm tại một số vùng ven sông Cầu thuộc huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang	2	X	Hội Đập lớn và phát triển nguồn nước Việt Nam	Báo điện tử		vncold.vn ngày 01/6/2008	2008
5	Ứng dụng mô hình AKT để khai thác kiến thức bản địa vùng thâm canh rau nhằm bảo vệ môi trường vùng ngoại thành Hà Nội.	2	X	Tạp chí Khoa học đất/ISSN 0868-3743	Hội KHĐ Việt Nam			2005
6	Nghiên cứu kiến thức bản địa về nước thải và phân bón ảnh hưởng đến môi trường vùng ngoại thành Hà Nội	4		Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông Thôn/ISSN 1859-4581	Bộ NN & PTNT			2006
7	Một số kiến thức bản địa về sử dụng nước thải đô thị và phân bón trong canh tác rau và mức độ ảnh hưởng đến môi trường ở vùng ngoại thành Hà Nội	5	X	Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông Thôn/ISSN 1859-4581	Bộ NN & PTNT		số 5/2005. Trang 28-32.	2005
8	Các hệ thống canh tác rau hiệu quả cao và mức độ ảnh hưởng đến Môi trường vùng thâm canh rau Phúc Lý	5	X	Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông Thôn /ISSN 0866-7020	Bộ NN & PTNT		số 5/2005. Trang 28-32.	2005

9	Đánh giá tác động môi trường đất và nước huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	3	X	Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông thôn /ISSN 1859-4581	Bộ NN & PTNT		Chuyên đề môi trường	2009
10	Sử dụng công cụ mô hình hóa sinh thái nông nghiệp (AKT) nhằm khai thác kiến thức bản địa trong thâm canh rau sạch, bảo vệ môi trường ở vùng ven đô Hà Nội	5		Tạp chí Khoa học đất/ ISSN 0868-3743	Hội KHD Việt Nam		Số 24/2006 trang 145-150	2006
II	<u>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</u>							
11	Temperature and air pollution affected tree ring $\delta^{13}C$ and water-use efficiency of pine and oak trees under rising CO ₂ in a humid temperate forest	11	X	Chemical Geology	ISI (Q2)	18	420 (2016) 127-138	2016
12	Reduce Impact of climate change in Flood Area of Quang Binh Province by Crop Rotation	3	X	Research in Environmental and Earth Sciences/ISSN(Online): 2348-2532	Scopus		Volume 7, Issue 6 (2021). Page: 53-58	2021
13	Warming increases nitrogen availability and tree growth as revealed by annual ring data of pinus merkusii in central Vietnam	5	X	Communications in Soil Science and Plant Analysis	ISI (Q2)		49:4, 416-425	2018
14	Temperature and rainfall in relationship with ring density and ring total nitrogen of Pine merkusii in the center of Vietnam	5	X	Vietnam Agricultural Science and technology/ISSN: 0866-8116	Scopus		No1 (2) (2016). Page: 120-126	2016
15	A short overview on linking annual tree carbon isotope to historical changes in atmospheric environment		X	Science Technology Journal of Agriculture and Rural development /ISSN: 1859-4581	Scopus		No. 2 (2014). Page: 21-26	2014
16	Mô phỏng chuỗi số liệu lượng mưa năm ở Quảng Bình thông qua tính chất vòng năm cây Thông nhựa	6	X	Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam	Viện Khoa học Nông nghiệp		Số 10/2016. Trang 73-77	2016

				/ISSN 1859-1558	Việt Nam			
17	Kéo dài chuỗi số liệu nhiệt độ trong lịch sử ở Lào Cai thông qua tính chất vật lý, hóa học trong vòng năm cây Pơ Mu	7		Tạp chí Khoa học công nghệ Nông nghiệp Việt Nam /ISSN 1859-1558	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam		Số 9/2016. Trang 82-87	2016
18	Bước đầu xác định lượng mưa trong lịch sử thông qua đặc điểm vòng năm của cây pơ mu tại huyện văn bản, tỉnh Lào Cai	2	X	Kỷ yếu Viện Nghiên cứu Sinh thái và Môi trường rừng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam		Số 12/2020	2020
19	Đánh giá tiềm năng hấp thụ CO2 trong lĩnh vực lâm nghiệp và thay đổi sử dụng đất tại Việt Nam	3		Tạp chí PTBV Vùng /ISSN 2354-0729	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam		Quyển 11, số 4 (12.2021), trang 119-128	2021
20	Quy hoạch sử dụng đất rừng ngập mặn gắn với giảm thiểu biến đổi khí hậu tại 4 vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	4		Tạp chí PTBV Vùng /ISSN 2354-0729	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam		Quyển 12, số 2 (06.2022), trang 113-124	2022
21	Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp đến 2030, thích ứng với biến đổi khí hậu của huyện Bồ Trách tỉnh Quảng Bình	4		Tạp chí Khoa học đất /ISSN 2525-2216	Bộ NN & PTNT		số 69/2022, trang 141-147	2022
22	Một cách nhìn tổng quan giữa đồng vị phóng xạ trong vòng năm của cây rừng với những biến đổi môi trường	2		Tạp chí Nông nghiệp phát triển Nông Thôn /ISSN 1859-4581	Bộ NN & PTNT			2014
23	Nghiên cứu quan hệ giữa độ rộng trong vòng năm của cây thông nhựa (pinus mumatra) và nhiệt độ trung bình tháng ở khu vực Quảng Bình	6	X	Tạp chí Khoa học – ĐHQGHN /ISSN 0866-8612	Bộ Giáo dục và Đào tạo		Quyển 31, số 3S, 2015. Trang 167-172	2015
24	Nghiên cứu mối tương quan giữa độ rộng vòng năm của cây thông nhựa	3	X	Tạp chí Nông nghiệp	Bộ NN & PTNT		Số 20/2015.	2015

	(pinus merkusii) và yếu tố nhiệt độ ở tỉnh Quảng Bình			và Phát triển Nông thôn			Trang 117-121	
25	Liên hệ giữa lượng mưa với một số chỉ tiêu hóa lý của vòng năm cây Pơ mu ở Lào Cai	5		Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam	Bộ KHCN		Tập 15, số 4, 2017. Trang 51-55	2017

Trong đó: có 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: số TT 11, 12, 13, 14 ở bảng trên

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	CT Cử nhân Đô thị Thông minh và Bền vững	Tham gia	- Quyết định số 382/QĐ-KHLN ngày 17/8/2021 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng CTĐT cử nhân ngành Quản trị đô thị thông minh và bền vững.	ĐHQGHN	Quyết định số 1131/QĐ-ĐHQGHN ngày 6/4/2022 ban hành CTĐT cử nhân Quản trị đô thị thông minh và bền vững	Năm 2022-2023

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng)

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Đề xuất bổ sung vào công trình nghiên cứu khoa học

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): đề xuất bổ sung vào công trình nghiên cứu khoa học

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): đề xuất bổ sung vào công trình nghiên cứu khoa học

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: đủ

+ Đã hướng dẫn chính 05 HVCH/CK2/BSNT và 03 đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS) ☐

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: đủ

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: đủ

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS):

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Việt Hưng